

Số: 01 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO**Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19
(Từ 16h00 ngày 31/12/2021 đến 16h00 ngày 01/01/2022)**

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

Tổng số ca mắc tới nay hơn 288,5 triệu ca, hơn 5,4 triệu ca tử vong. Thế giới đón chào Năm mới 2022 trong bối cảnh dịch bệnh tại nhiều nước vẫn phức tạp, chủ yếu là do sự lây lan của biến thể Omicron. Trong 24h qua, thế giới ghi nhận thêm hơn 1,6 triệu ca mắc và hơn 5,9 nghìn ca tử vong. Trong số ca mắc này, Mỹ tiếp tục chiếm nhiều nhất với 346.924 ca, tiếp đó là Pháp và Anh lần lượt ghi nhận 232.200 ca và 189.846 ca.

Trong mấy ngày qua, số ca mắc bệnh và tử vong đang có xu hướng tăng trở lại, những vùng dịch “nóng nhất” nằm ở châu Âu. Dịch bệnh đang tái bùng phát ở châu Âu khi số ca mắc mới tăng mạnh ở nhiều nước châu lục này. Đây chính là tâm dịch hiện nay của thế giới, biến thể Omicron dự kiến sẽ chiếm chủ đạo số ca mắc tại châu Âu trong tháng tới.

Trong bối cảnh có nhiều quốc gia ghi nhận số ca nhiễm mới ở mức cao chưa từng có, nhiều nước đã quyết định hủy sự kiện hoặc giới hạn hoạt động chào mừng Năm mới 2022, do lo ngại việc tụ tập đông người sẽ tạo cơ hội cho biến thể Omicron lây lan.

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 01/01/2022, cả nước ghi nhận 1.746.092 ca mắc, trong đó 1.741.910 ca trong nước. Đến nay đã có 1.358.276 người khỏi bệnh, 32.394 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 1.743.240 ca, trong đó có 1.740.340 ca trong nước (99,8%), 1.355.459 người đã khỏi bệnh (77,8%), 32.359 tử vong tại 51 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

III. Tình hình dịch trong ngày**1. Số ca mắc mới trong ngày**

- Ghi nhận 14.835 ca mắc mới, trong đó 14.822 ca ghi nhận trong nước (giảm 1.654 ca so với ngày trước đó) tại 62 tỉnh, thành phố.

+ Các địa phương ghi nhận trong ngày: Hà Nội (1.748), Vĩnh Long (1.223), Tây Ninh (947), Khánh Hòa (785), Bình Phước (728), Hồ Chí Minh (569), Trà Vinh (563), Bình Định (521), Cà Mau (498), Đồng Tháp (405), Bạc Liêu (399), Bắc Ninh (368), Thừa Thiên Huế (350), Phú Yên (283), Cần Thơ (276), An Giang (265), Lâm Đồng (265), Quảng Ninh (254), Kiên Giang (247), Hưng Yên (245), Bình Thuận (211), Thanh Hóa (210), Đồng Nai (203), Tiền Giang (195), Đà Nẵng (188), Quảng Nam (181), Sóc Trăng (180), Hậu Giang (170), Bến Tre (161), Gia Lai (145), Quảng Ngãi (145), Nghệ An (143), Hà Giang (143), Hải Phòng (116), Đắk Nông (114), Bình Dương (105), Bà Rịa - Vũng Tàu (104), Vĩnh Phúc (96), Nam Định (93), Hà Nam

(88), Ninh Bình (72), Bắc Giang (69), Sơn La (67), Hòa Bình (62), Ninh Thuận (61), Thái Nguyên (58), Phú Thọ (55), Long An (51), Quảng Bình (51), Quảng Trị (47), Đắk Lắk (40), Thái Bình (37), Kon Tum (36), Lào Cai (31), Lạng Sơn (30), Điện Biên (29), Cao Bằng (26), Bắc Kạn (25), Yên Bái (18), Tuyên Quang (11), Hà Tĩnh (8), Lai Châu (8).

+ Có 13 ca nhập cảnh ghi nhận tại Đà Nẵng (5), Hà Tĩnh (2), Tây Ninh (2), Hồ Chí Minh (2), Thái Nguyên (1), Quảng Nam (1).

- TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 1.748 ca mắc, trong đó 461 ca sàng lọc tại cơ sở y tế, 376 ca tầm soát trong cộng đồng, 824 ca trong khu cách ly và 87 ca trong khu phong tỏa. Số mắc mới (1.748 ca) được phân bố tại 28 quận, huyện như sau: Đống Đa 232, Hoàng Mai 154, Hà Đông 146, Hai Bà Trưng 141, Ba Đình 124, Long Biên 92, Thanh Trì 89, Thanh Xuân 88, Tây Hồ 85, Cầu Giấy 84, Gia Lâm 83, Ba Vì 70, Hoàn Kiếm 69, Ứng Hòa 47, Bắc Từ Liêm 45, Mỹ Đức 38, Nam Từ Liêm 30, Đông Anh 26, Chương Mỹ 20, Đan Phượng 17, Hoài Đức 11, Sóc Sơn 11, Mê Linh 9, Sơn Tây 6, Phúc Thọ 4, Thanh Oai 3, Thường Tín 3, Phú Xuyên 1, Thạch Thất 1 và 18 ca đang điều tra.

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày giảm nhiều so với ngày trước: Cà Mau (giảm 565), Hải Phòng (giảm 404), Bình Phước (giảm 275).

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày tăng so với ngày trước: Tây Ninh (tăng 171), Vĩnh Long (tăng 143), Quảng Ninh (tăng 99).

2. Kết quả giám sát các trường hợp mắc trong cộng đồng

- Cả nước ghi nhận 9.628 ca mắc trong cộng đồng (chiếm 65% tổng số mắc trong ngày), giảm 1.709 ca so với ngày trước đó.

+ Tỉnh Bình Dương: Trong ngày ghi nhận 53 ca cộng đồng (tăng 9 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 290.776 ca.

+ Tỉnh Đồng Nai: Trong ngày ghi nhận 99 ca cộng đồng (giảm 10 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 97.921 ca.

+ Tỉnh Kiên Giang: Trong ngày ghi nhận 89 ca cộng đồng (tăng 20 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 30.113 ca.

+ TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 837 ca cộng đồng (giảm 74 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 47.586 ca.

+ TP. Đà Nẵng: Trong ngày ghi nhận 147 ca cộng đồng (tăng 15 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 11.377 ca.

- Trong 7 ngày qua, các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng tăng so với 7 ngày trước đó: TP. Hà Nội tăng 1.944 ca, Bình Phước tăng 1.606 ca; các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng giảm: Cà Mau (giảm 4.600 ca), Bến Tre (giảm 2.212 ca), TP. Hồ Chí Minh (giảm 1.544 ca).

3. Kết quả giám sát điều trị

Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 1.355.459 người đã khỏi bệnh (77,8%), tăng 2.990 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 355.422 trường hợp, trong đó có 6.304 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 4.375; (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 994; (3) Thở máy không xâm lấn: 136; (4) Thở máy xâm lấn: 780; (5) EMO: 19.

Trong ngày 31/12, ghi nhận 226 trường hợp tử vong (giảm 14 trường hợp so với ngày trước đó), gồm:

+ Tại TP. Hồ Chí Minh (34) trong đó có 7 ca từ các tỉnh chuyển đến như sau: Đồng Tháp (1), Long An (1), An Giang (1), Kiên Giang (1), Tiền Giang (1), Tây Ninh (1), Bà Rịa - Vũng Tàu (1).

+ Tại các tỉnh, thành phố khác: Đồng Nai (18), An Giang (18), Vĩnh Long (15), Cần Thơ (15), Đồng Tháp (14), Bình Dương (13), Kiên Giang (12), Sóc Trăng (11), Khánh Hòa (10), Tiền Giang (10), Bình Phước (8), Hà Nội (7), Bạc Liêu (7), Hậu Giang (6), Tây Ninh (5), Cà Mau (5), Bình Thuận (4), Bà Rịa - Vũng Tàu (4), Trà Vinh (3), Long An (2), Gia Lai (2), Quảng Ngãi (1), Bình Định (1), Lâm Đồng (1).

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Bộ Y tế có Công điện gửi UBND các tỉnh, thành phố về việc tăng cường các biện pháp phòng chống dịch COVID-19 dịp tết Dương lịch 2022.

- Chỉ đạo các địa phương tăng cường tiêm vaccine phòng COVID-19, tiếp tục đẩy nhanh tiến độ tiêm vaccine phòng COVID-19 đảm bảo tiêm đủ liều cơ bản cho người từ 12 tuổi trở lên; rà soát không bỏ sót đối tượng tiêm chủng và tổ chức tiêm vét cho tất cả người dân có đủ điều kiện tiêm chủng được tiêm đủ liều vaccine.

- Bộ Y tế tiếp tục chủ động bám sát diễn biến tình hình dịch do chủng mới Omicron gây ra; thường xuyên trao đổi với Tổ chức Y tế thế giới để cập nhật thông tin, kịp thời, chính xác về biến chủng này; Chỉ đạo các địa phương tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch; đặc biệt công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về phòng, chống dịch.

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 31/12/2021, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 36.058.572 mẫu cho 78.715.697 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 30.414.070 mẫu tương đương 74.967.758 lượt người, tăng 105.572 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.694.967 mẫu gộp cho 47.335.078 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

1. Từ tháng 3/2021 đến hết ngày 31/12/2021, Việt Nam đã tiếp nhận 192.002.218 liều, cụ thể:

* Theo loại vắc xin:

- + Vắc xin AstraZeneca: 59.707.680 liều
- + Vắc xin Pfizer và Moderna: 76.874.340 liều
- + Vắc xin Sinopharm: 48.761.200 liều
- + Vắc xin Abdala: 5.150.000 liều
- + Sputnik V: 1.508.998 liều

* Theo nguồn vắc xin:

- Nguồn Ngân sách nhà nước: 96.919.280 liều
- + 30.000.000/30.000.000 liều vắc xin mua của AstraZeneca.
- + 41.519.280/51.000.000 liều vắc xin mua của Pfizer.
- + 20.000.000 /20.000.000 liều vắc xin mua của Sinopharm
- + 5.000.000 /5.000.000 liều vắc xin Abdala mua của Cuba.
- + 400.000 liều vắc xin AstraZeneca mua của Chính phủ Hungary.

Trong tổng số 192 triệu liều vắc xin phòng COVID-19 đã tiếp nhận, Bộ Y tế đã phân bổ 113 đợt với tổng số 176,8 triệu liều, còn khoảng 15,2 triệu liều mới tiếp nhận, đang tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin.

2. Kết quả tiêm chủng

Đến hết ngày 31/12/2021, cả nước đã tiêm 152.201.656 liều (trong ngày tiêm được 1.254.064 liều), tỷ lệ sử dụng đạt 86,1% số vắc xin phân bổ 113 đợt.

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 139.530.454 liều, trong đó có 70.001.049 mũi 1; 63.813.612 mũi 2; 1.202.913 mũi 3 (đối với vắc xin Abdala); 1.629.168 liều bổ sung và 2.883.712 liều nhắc lại. Tỷ lệ bao phủ ít nhất 01 liều vắc xin là 99,5% và tỷ lệ tiêm đủ 02 liều vắc xin là 90,7% dân số từ 18 tuổi trở lên. Theo khu vực, tỷ lệ này lần lượt ở miền Bắc là 96,4% và 88,1%; miền Trung là 96,5% và 88,6%; Tây Nguyên là 98,1% và 85,2%; miền Nam là 100% và 92,7%.

Tỷ lệ bao phủ ít nhất 01 liều cho dân số từ 18 tuổi trở lên:

+ 44/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ trên 95%

+ 11/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ từ 90-95%

+ 08/63 tỉnh, thành phố còn lại có tỷ lệ bao phủ dưới 90% là Nam Định (88,7%), Hưng Yên (87%), Hà Tĩnh (89%), Lai Châu (89,1%), Cao Bằng (89,0%), Quảng Bình (85,7%), Tây Ninh (88,7%) và Cà Mau (88,6%).

Tỷ lệ bao phủ đủ liều vắc xin cho dân số từ 18 tuổi trở lên:

+ 31/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ trên 90%

+ 25/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ đủ 02 liều từ 80 – dưới 90% ;

+ 07/63 tỉnh, thành phố còn lại có tỷ lệ bao phủ đủ 02 liều dưới 80% là Hải Dương (77,1%), Hà Tĩnh (77,1%), Cao Bằng (77,0%), Sơn La (73,0%), Điện Biên (79,1%), Trà Vinh (78,5%) và Bình Dương (78,9%).

- Về triển khai tiêm chủng cho đối tượng từ 12-17 tuổi: Các tỉnh, thành phố đã triển khai tiêm 12.671.202 liều, trong đó có 7.664.585 mũi 1 và 5.006.617 mũi 2. Tỷ lệ bao phủ ít nhất 01 liều vắc xin là 85,3% và tỷ lệ bao phủ đủ 02 liều vắc xin là 55,7% dân số từ 12 -17 tuổi. Theo khu vực, tỷ lệ này lần lượt ở miền Bắc là 82,1% và 47,5%; miền Trung là 75,9% và 38,0%, Tây Nguyên là 91,6% và 25,8%, Miền Nam là 91,6% và 76,4%.

22 tỉnh thành, phố đã cơ bản bao phủ đủ liều cơ bản cho nhóm tuổi này là Hà Nam, Ninh Bình, Bắc Ninh, Hưng Yên, Quảng Ninh, Hòa Bình, Lạng Sơn, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Ninh Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Long An, Tây Ninh, An Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bình Dương, Bạc Liêu, Hậu Giang.

(Chi tiết phân bổ và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

VII. Công tác truy vết: Từ ngày 27/4 đến ngày 01/01/2022, cả nước đã truy vết được 1.394.565 trường hợp F1, trong đó có 1.047.560 trường hợp đã được xét nghiệm.

VIII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

IX. Hoạt động của các địa phương:

1. TP. Hồ Chí Minh: UBND TP HCM cập nhật kết quả đánh giá cấp độ dịch COVID-19 trên địa bàn. Đến tối 31/12, dịch tại TP. HCM duy trì cấp độ 2. Trong số 22 địa bàn cấp quận/huyện, có 16 đơn vị đạt cấp độ 1 (nguy cơ thấp - bình thường mới), 6 địa phương đạt cấp độ 2 (màu vàng - nguy cơ trung bình) và không có địa phương nào ở cấp độ 3.

Sáng 1/1/2022, Trung tâm kiểm soát bệnh tật TP HCM cho biết, kết quả giải trình tự gene các ca nhập cảnh dương tính với SARS-CoV-2 đang cách ly tại TP HCM cho kết quả có 5 trường hợp nhiễm biến chủng Omicron. Theo hệ thống giám sát ca bệnh, 5 trường hợp này nhập cảnh vào Việt Nam từ ngày 20/12 đến 25/12. Tất cả các

trường hợp được cách ly tập trung ngay khi nhập cảnh và được lấy mẫu xét nghiệm. Kết quả dương tính với SARS-CoV-2. Mẫu xét nghiệm được chuyển Viện Pasteur để thực hiện xét nghiệm giải trình tự gene. Ngày 31/12/2021, kết quả được thông báo là nhiễm biến chủng Omicron.

2. TP. Hà Nội: Đêm 31/12/2021, UBND TP. Hà Nội ban hành Thông báo số 865/TB-UBND về đánh giá cấp độ dịch trong phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn. Hà Nội vẫn ở cấp độ 2 (nguy cơ trung bình, tương ứng với màu vàng) trong phòng, chống dịch COVID-19. Trong 30 quận, huyện, thị xã, có 2 huyện ở cấp độ 1 (nguy cơ thấp, tương ứng với màu xanh); có 18 quận, huyện, thị xã ở cấp độ 2 và 10 quận, huyện ở cấp độ 3 (nguy cơ cao, tương ứng với màu cam). Quận Đống Đa sau 3 tuần liên tục ở cấp độ 3 thì hiện tại đã xuống cấp độ 2, cửa hàng ăn uống quận Đống Đa được bán tại chỗ.

X. Nhận định

Đến nay, tình hình dịch cơ bản được kiểm soát trên phạm vi toàn quốc. Thời gian tới, cần tiếp tục tăng cường các biện pháp phòng chống dịch nhất là giám sát phát hiện sớm, tổ chức thu dung, điều trị giảm bệnh nặng, tử vong, tiêm chủng vắc xin; quản lý rủi ro, đặc biệt là nhóm nguy cơ, có bệnh nền chưa được tiêm đầy đủ vắc xin.

XI. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

1. Các bộ, ngành, địa phương: (i) Tiếp tục tổ chức thực hiện nghiêm túc, quyết liệt, hiệu quả các nguyên lý, biện pháp, công thức, phương châm phòng chống dịch với 3 trụ cột (cách ly, xét nghiệm, điều trị) và công thức “5K + vắc xin, thuốc điều trị + công nghệ + đề cao ý thức người dân và các biện pháp khác”; (ii) không tổ chức các hoạt động tập trung đông người, nhất là dịp lễ Giáng sinh và Tết Dương lịch 2022; (iii) đẩy mạnh tiến độ tiêm vắc xin tại địa phương khi đã được cung cấp đầy đủ vắc xin, bảo đảm tiến độ theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Y tế; (iv) tiếp tục huy động sự tham gia của cộng đồng, tình nguyện viên trong hỗ trợ tư vấn, chăm sóc, theo dõi người bệnh; (v) tăng cường áp dụng các biện pháp công nghệ để quản lý ca bệnh và điều hành, quản lý dịch bệnh.

2. Về công tác y tế: (i) Tiếp tục theo dõi chặt chẽ tình hình dịch bệnh trong nước; bám sát diễn biến dịch của biến chủng Omicron; (ii) chủ động triển khai thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, BCSĐ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có chỉ đạo về Chương trình tổng thể trong công tác phòng, chống dịch COVID-19 và việc mua, tiêm vắc xin cho trẻ từ 5 tuổi đến dưới 12 tuổi; (iii) thực hiện việc mua, phân bổ vắc xin kịp thời cho các địa phương; hướng dẫn tiêm an toàn, khoa học, hợp lý, hiệu quả, chú trọng tiến độ tiêm vắc xin trong đó chú ý đến việc tiêm mũi 3 và đảm bảo an toàn khi thực hiện tiêm nhắc lại đối với trẻ từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi; (iv) dự trữ, phân bổ đủ thuốc điều trị COVID-19, hướng dẫn tổ chức cấp phát thuốc cho người nhiễm vi rút để được điều trị sớm; (v) khẩn trương tiến hành các nội dung trong việc xây dựng kế hoạch mua sắm tập trung trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao theo đúng quy định; (vi) chỉ đạo tăng cường nguồn ô xy phục vụ công tác điều trị; (vii) tăng cường tập huấn, nâng cao trình độ chuyên môn để phát hiện, sàng lọc, điều trị ban đầu, điều trị sớm các trường hợp F0 tại cơ sở, tại nhà; (viii) rà soát, điều chỉnh thời gian cách ly y tế đối với người nhập cảnh cho người phù hợp với diễn biến dịch bệnh.

3. Tiếp tục tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; phòng, chống tham nhũng, lợi ích nhóm trong đấu thầu, mua sắm thuốc, sinh phẩm, vật tư, trang thiết bị y tế, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, khoa học, tránh

lãng phí, thất thoát, tiêu cực. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định về phòng, chống dịch.

4. Tiếp tục triển khai đồng bộ các chính sách về an sinh xã hội; nghiên cứu, đề xuất ban hành các chế độ, chính sách hỗ trợ đội ngũ tuyến đầu chống dịch, nhất là đối với các y, bác sỹ và các đối tượng khác nhân dịp Tết năm 2022.

5. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các giải pháp phục hồi, phát triển kinh tế xã hội; mở lại có lộ trình các đường bay quốc tế, bảo đảm an toàn phòng, chống dịch, nhất là trước nguy cơ xâm nhập và lây lan của biến chủng mới.

6. Tiếp tục triển khai các giải pháp về tài chính, kịp thời hướng dẫn, hỗ trợ địa phương sử dụng nguồn lực cho công tác phòng, chống dịch. Chủ động xây dựng kế hoạch bảo đảm kinh phí phòng, chống dịch cho năm 2022.

7. Tiếp tục triển khai hiệu quả công tác dân vận, nắm chắc tình hình tại cơ sở để tham mưu cấp ủy, chính quyền triển khai các biện pháp phòng, chống dịch, tạo điều kiện để nhân dân yên tâm lao động sản xuất, kinh doanh, ổn định cuộc sống và đón Tết năm 2022. Đồng thời, đẩy mạnh triển khai các hoạt động huy động tình nguyện viên, tổ chức tôn giáo...tham gia hỗ trợ công tác phòng, chống dịch tại các địa phương.

8. Đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền để người dân không lơ là, chủ quan; tự giác, tích cực tham gia phòng, chống dịch, chủ động thực hiện các biện pháp bảo vệ bản thân, gia đình và cộng đồng. Đẩy mạnh tuyên truyền phòng, chống dịch trong dịp nghỉ Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán 2022; cung cấp kịp thời các thông tin về biến chủng mới của SARS-CoV-2.

Bộ Y tế kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Xuân Tuyên

Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 31/12	Số mắc ngày 01/01	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 01/01	Số tử vong tích lũy đến 31/12
Có lây nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua:		16.476	14.822	(1.654)	1.740.138	32.359
1	Hồ Chí Minh	557	569	12	503.813	19.871
2	Bình Dương	107	105	-2	290.776	3.210
3	Đồng Nai	178	203	25	97.921	1.338
4	Tây Ninh	776	947	171	76.056	639
5	Hà Nội	1914	1748	-166	47.586	140
6	Đồng Tháp	570	405	-165	44.586	567
7	Cần Thơ	293	276	-17	41.144	597
8	Long An	63	51	-12	40.411	823
9	Cà Mau	1063	498	-565	38.146	168
10	Tiền Giang	247	195	-52	33.915	930
11	Khánh Hòa	799	785	-14	33.790	174
12	Vĩnh Long	1080	1223	143	33.339	346
13	An Giang	296	265	-31	32.726	977
14	Bạc Liêu	541	399	-142	30.237	249
15	Sóc Trăng	215	180	-35	30.138	331
16	Kiên Giang	163	247	84	30.113	535
17	BRVT	152	104	-48	26.424	173
18	Bình Thuận	217	211	-6	26.111	285
19	Bến Tre	367	161	-206	25.971	181
20	Bình Phước	1003	728	-275	22.795	62
21	Trà Vinh	571	563	-8	21.837	128
22	Bình Định	655	521	-134	16.501	55
23	T.T.Huế	404	350	-54	13.679	65
24	Hậu Giang	195	170	-25	12.884	50
25	Bắc Ninh	269	368	99	11.831	17
26	Đắc Lắc	78	40	-38	11.469	64
27	Đà Nẵng	154	188	34	11.377	78
28	Lâm Đồng	259	265	6	9.701	24
29	Hải Phòng	520	116	-404	8.910	9
30	Thanh Hóa	174	210	36	8.243	11
31	Bắc Giang	85	69	-16	7.939	14
32	Nghệ An	109	143	34	7.910	34
33	Phú Yên		283	283	7.563	49
34	Hà Giang	150	143	-7	7.513	6
35	Gia Lai	148	145	-3	7.284	17
36	Quảng Nam	188	181	-7	6.327	16
37	Quảng Ngãi	195	145	-50	5.965	24
38	Ninh Thuận	47	61	14	5.817	51
39	Hưng Yên	241	245	4	5.412	2

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 31/12	Số mắc ngày 01/01	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 01/01	Số tử vong tích lũy đến 31/12
40	Đắc Nông	100	114	14	5.125	12
41	Quảng Bình	36	51	15	3.654	7
42	Quảng Ninh	155	254	99	3.563	1
43	Nam Định	119	93	-26	3.535	1
44	Phú Thọ	33	55	22	3.138	3
45	Vĩnh Phúc	82	96	14	3.130	6
46	Hải Dương	29		-29	2.807	1
47	Thái Bình	65	37	-28	2.709	
48	Hà Nam	96	88	-8	2.561	
49	Quảng Trị		47	47	2.162	2
50	Thái Nguyên	38	58	20	1.843	
51	Lạng Sơn	35	30	-5	1.648	7
52	Hà Tĩnh	27	8	-19	1.566	5
53	Hòa Bình	97	62	-35	1.553	3
54	Sơn La	170	67	-103	1.379	
55	Tuyên Quang	28	11	-17	1.079	
56	Kon Tum	20	36	16	980	
57	Ninh Bình	149	72	-77	935	
58	Lào Cai	70	31	-39	628	
59	Điện Biên	14	29	15	618	
60	Cao Bằng	45	26	-19	587	1
61	Yên Bái	23	18	-5	583	
62	Lai Châu	2	8	6	115	
63	Bắc Kạn		25	25	80	
14 ngày qua không có lây nhiễm thứ phát tại địa phương:		-	-	-	-	-
Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:					202	-
	BVNĐ TW				96	
	BV K				106	
	Tổng cộng	16.476	14.822	(1.654)	1.740.340	32.359

PHỤ LỤC 2
PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 31/12/2021)

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 113 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala)	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 113 đợt
1	Hà Nội	15.641.202	6.130.465	5.835.817	0	172.609	227.432	682.282	513.673	13.562.278	86,7%
2	Hải Phòng	3.510.570	1.641.420	1.411.406	0	2	920	147.805	25.028	3.226.581	91,9%
3	Thái Bình	2.615.010	1.143.094	1.095.044	88.959	61.138	44.376	148.753	116.209	2.697.573	103,2%
4	Nam Định	2.577.520	1.128.462	1.083.293	0	112	3.129	62.956	3	2.277.955	88,4%
5	Hà Nam	1.490.330	577.710	563.638	0	130.959	28.259	70.869	68.828	1.440.263	96,6%
6	Ninh Bình	1.423.950	636.194	622.073	0	0	6.938	82.166	76.878	1.424.249	100,0%
7	Thanh Hoá	6.099.300	2.308.654	2.092.309	168.432	0	0	244.562	49.079	4.863.036	79,7%
8	Bắc Giang	3.086.140	1.271.301	1.128.216	0	40.310	114.061	142.494	71.943	2.768.325	89,7%
9	Bắc Ninh	2.521.660	1.110.032	1.050.722	0	7.747	120.035	114.700	105.028	2.508.264	99,5%
10	Phú Thọ	2.019.230	964.132	862.588	0	7.011	3.613	124.342	66.675	2.028.361	100,5%
11	Vĩnh Phúc	1.952.830	784.254	693.192	0	0	0	56.306	267	1.534.019	78,6%
12	Hải Dương	2.994.560	1.222.531	1.011.856	0	0	53.986	99.498	262	2.388.133	79,7%
13	Hưng Yên	1.978.902	813.722	766.628	0	0	2.316	105.348	101.321	1.789.335	90,4%
14	Thái Nguyên	2.118.320	896.680	788.907	12.792	37.075	63.538	104.691	576	1.904.259	89,9%
15	Bắc Cạn	514.070	205.611	178.459	0	0	0	19.795	2.021	405.886	79,0%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 113 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala)	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 113 đợt
16	Quảng Ninh	2.625.718	972.181	917.070	0	0	32.139	119.421	110.336	2.151.147	81,9%
17	Hoà Bình	1.312.240	526.417	494.124	0	0	0	74.836	65.172	1.160.549	88,4%
18	Nghệ An	5.034.440	1.926.769	1.814.419	421.763	21.240	161.467	281.138	111.544	4.738.340	94,1%
19	Hà Tĩnh	2.006.830	794.099	688.571	0	78.936	66.266	111.542	29.943	1.769.357	88,2%
20	Lai Châu	672.970	251.742	237.609	0	13.685	32.300	50.545	44.621	630.502	93,7%
21	Lạng Sơn	1.312.540	489.440	475.270	0	0	42.078	65.938	61.470	1.134.196	86,4%
22	Tuyên Quang	1.283.540	551.784	458.216	0	0	25.307	1.870	37.738	1.074.915	83,7%
23	Hà Giang	1.438.650	472.000	421.451	0	835	20.616	80.743	47.080	1.042.725	72,5%
24	Cao Bằng	767.340	328.355	284.143	0	1.367	20.072	43.143	36.249	713.329	93,0%
25	Yên Bái	1.273.780	497.336	477.741	0	0	14.046	76.438	60.367	1.125.928	88,4%
26	Lào Cai	1.228.920	498.019	414.604	0	18.401	36.173	30.887	66.584	1.064.668	86,6%
27	Sơn La	1.562.870	760.838	578.774	522	0	16.947	86.689	32.004	1.475.774	94,4%
28	Điện Biên	849.720	326.471	266.092	0	0	0	57.119	1.334	651.016	76,6%
Cộng miền Bắc		71.913.152	29.229.713	26.712.232	692.468	591.427	1.136.014	3.286.876	1.902.233	63.550.963	88,4%
29	Quảng Bình	1.210.710	524.583	496.288	0	0	0	64.468	17.213	1.102.552	91,1%
30	Quảng Trị	1.031.272	424.759	399.552	8.426	3.894	6.322	37.450	16.498	896.901	87,0%
31	TT- Huế	1.913.436	778.164	718.084	0	36.745	8.987	101.398	86.569	1.729.947	90,4%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 113 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala)	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 113 đợt
32	Tp. Đà Nẵng	2.027.212	858.842	806.170	0	530	1.926	100.536	98.437	1.866.441	92,1%
33	Quảng Nam	2.695.380	1.027.747	974.317	28.204	0	624	102.204	201	2.133.297	79,1%
34	Quảng Ngãi	2.011.734	823.356	738.161	0	0	0	70.916	519	1.632.952	81,2%
35	Bình Định	2.542.300	1.030.328	909.201	35.896	2	7.927	96.542	10	2.079.906	81,8%
36	Phú Yên	1.491.394	614.913	561.985	0	0	132	82.257	27.330	1.286.617	86,3%
37	Khánh Hòa	2.459.390	956.501	910.468	0	28.670	34.620	114.302	108.907	2.153.468	87,6%
38	Ninh Thuận	1.147.590	427.822	388.525	0	30.653	34.693	58.771	50.958	991.422	86,4%
39	Bình Thuận	2.302.440	909.769	786.658	0	0	4.872	53.476	35.028	1.789.803	77,7%
Cộng miền Trung		20.832.858	8.376.784	7.689.409	72.526	100.494	100.103	882.320	441.670	17.663.306	84,8%
40	Kon Tum	884.830	319.619	281.133	1.556	0	0	49.454	19.792	671.554	75,9%
41	Gia Lai	2.407.212	958.139	780.555	48.797	0	1.028	151.019	53.858	1.993.396	82,8%
42	Đắk Lắk	3.045.840	1.224.397	1.069.476	0	0	0	189.547	3.492	2.486.912	81,6%
43	Đắk Nông	1.060.820	399.840	387.578	0	0	0	67.401	51.453	906.272	85,4%
Cộng Tây Nguyên		7.398.702	2.901.995	2.518.742	50.353	0	1.028	457.421	128.595	6.058.134	81,9%
44	TP. HCM	18.832.190	7.401.339	6.555.478	0	283.673	953.437	675.804	619.983	16.489.714	87,6%
45	BR-VT	2.367.180	960.025	859.378	0	0	172	108.416	47.853	1.975.844	83,5%
46	Đồng Nai	5.870.900	2.711.218	2.311.594	0	0	18.571	176.220	126.759	5.344.362	91,0%
47	Tiền Giang	3.469.060	1.307.443	1.252.551	137.260	23.444	81.008	155.215	144.810	3.101.731	89,4%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 113 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala)	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 113 đợt
48	Long An	3.797.840	1.490.237	1.431.499	0	1.656	3.385	166.281	142.654	3.235.712	85,2%
49	Lâm Đồng	2.512.794	967.167	928.027	0	17.895	42.689	132.410	104.408	2.192.596	87,3%
50	Tây Ninh	2.432.350	867.259	808.731	10.161	9.747	103.236	88.025	84.312	1.971.471	81,1%
51	Cần Thơ	2.472.938	918.910	1.058.942	5.815	61.756	36.687	105.400	49.006	2.236.516	90,4%
52	Sóc Trăng	2.487.850	887.380	774.990	0	0	0	109.271	78.429	1.850.070	74,4%
53	An Giang	3.708.572	1.350.799	1.328.238	180.528	106.440	52.395	195.601	166.753	3.380.754	91,2%
54	Bến Tre	2.501.940	992.136	948.809	0	117.437	107.211	106.359	96.810	2.368.762	94,7%
55	Trà Vinh	1.800.180	787.383	576.883	0	1.154	19.750	85.371	78.647	1.549.188	86,1%
56	Vĩnh Long	2.065.900	767.700	737.845	0	32.115	54.256	91.093	86.263	1.769.272	85,6%
57	Đồng Tháp	3.325.040	1.237.814	1.177.801	148	202.681	59.989	142.544	103.016	2.923.993	87,9%
58	Bình Dương	5.705.070	2.379.843	1.878.323	0	0	31.352	175.857	131.977	4.597.352	80,6%
59	Bình Phước	1.950.140	751.002	722.476	0	0	0	108.827	92.652	1.674.957	85,9%
60	Kiên Giang	3.406.770	1.228.158	1.112.689	53.654	0	1.724	140.049	115.448	2.651.722	77,8%
61	Cà Mau	2.089.840	759.971	827.655	0	0	0	113.123	111.736	1.812.485	86,7%
62	Bạc Liêu	1.674.100	564.659	549.184	0	79.249	58.273	88.060	83.906	1.423.331	85,0%
63	Hậu Giang	1.417.010	529.829	496.142	0	0	0	74.042	68.697	1.168.710	82,5%
Cộng miền Nam		73.887.664	28.860.272	26.337.235	387.566	937.247	1.624.135	3.037.968	2.534.119	63.718.542	86,2%

Ghi chú:

- **8,3 triệu liều vắc xin đợt 111-112 mới có Quyết định phân bổ ngày 27/12/2021; 1.761.640 liều AstraZeneca có Quyết định phân bổ ngày 30/12/2021, các địa phương, đơn vị đang tiếp nhận vắc xin => tỷ lệ sử dụng vắc xin/số vắc xin phân bổ của một số tỉnh, thành phố được phân bổ nhiều vắc xin các đợt này thấp.**
- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1/mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.
- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 58.730 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát và Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam...), số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.
- Bộ Quốc phòng được cấp 1.336.330 liều, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.107.111 liều, trong đó có 574.569 mũi 1, 518.259 mũi 2 và 14.283 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh. (Tổng số liều tiêm cho lực lượng Quốc phòng khoảng 1,14 triệu liều)
- Bộ Công an được cấp 1.132.680 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 103.600 liều, trong đó có 57.716 mũi 1, 37.735 mũi 2 và 8.149 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh. (Tổng số liều tiêm cho lực lượng Công an khoảng 791.000 liều).

PHỤ LỤC 3
TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 31/12/2021)

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm liều nhắc lại/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 12-17 tuổi
1	Hà Nội	6.200.000	778.075	98,9%	94,1%	3,7%	87,7%	66,0%
2	Hải Phòng	1.580.000	184.643	100,0%	89,3%	0,1%	80,0%	13,6%
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	91,8%	88,0%	3,6%	99,2%	77,5%
4	Nam Định	1.272.614	122.612	88,7%	85,1%	0,2%	51,3%	0,0%
5	Hà Nam	612.219	66.512	94,4%	92,1%	4,6%	100,0%	100,0%
6	Ninh Bình	665.715	81.762	95,6%	93,4%	1,0%	100,0%	94,0%
7	Thanh Hoá	2.393.004	291.638	96,5%	87,4%	0,0%	83,9%	16,8%
8	Bắc Giang	1.267.538	145.967	100,0%	89,0%	9,0%	97,6%	49,3%
9	Bắc Ninh	1.146.204	128.062	96,8%	100,0%	10,5%	89,6%	82,0%
10	Phú Thọ	1.010.520	128.757	95,4%	85,4%	0,4%	96,6%	51,8%
11	Vĩnh Phúc	810.197	126.825	96,8%	85,6%	0,0%	44,4%	0,2%
12	Hải Dương	1.311.799	166.013	93,2%	77,1%	4,1%	59,9%	0,2%
13	Hưng Yên	935.528	112.803	87,0%	81,9%	0,2%	93,4%	89,8%
14	Thái Nguyên	918.061	107.936	97,7%	85,9%	6,9%	97,0%	0,5%
15	Bắc Cạn	222.390	26.584	92,5%	80,2%	0,0%	74,5%	7,6%
16	Quảng Ninh	1.013.446	118.979	95,9%	90,5%	3,2%	100,0%	92,7%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm liều nhắc lại/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 12-17 tuổi
17	Hoà Bình	570.146	80.462	92,3%	86,7%	0,0%	93,0%	81,0%
18	Nghệ An	1.960.668	316.527	98,3%	92,5%	8,2%	88,8%	35,2%
19	Hà Tĩnh	892.702	122.133	89,0%	77,1%	7,4%	91,3%	24,5%
20	Lai Châu	282.600	58.294	89,1%	84,1%	11,4%	86,7%	76,5%
21	Lạng Sơn	506.403	72.812	96,7%	93,9%	8,3%	90,6%	84,4%
22	Tuyên Quang	535.735	71.916	100,0%	85,5%	4,7%	2,6%	52,5%
23	Hà Giang	503.846	105.690	93,7%	83,6%	4,1%	76,4%	44,5%
24	Cao Bằng	368.973	46.352	89,0%	77,0%	5,4%	93,1%	78,2%
25	Yên Bái	510.271	79.369	97,5%	93,6%	2,8%	96,3%	76,1%
26	Lào Cai	445.152	87.148	100,0%	93,1%	8,1%	35,4%	76,4%
27	Sơn La	792.702	149.636	96,0%	73,0%	2,1%	57,9%	21,4%
28	Điện Biên	336.229	74.955	97,1%	79,1%	0,0%	76,2%	1,8%
Cộng miền Bắc		30.309.662	4.002.462	96,4%	88,1%	3,7%	82,1%	47,5%
29	Quảng Bình	611.974	84.194	85,7%	81,1%	0,0%	76,6%	20,4%
30	Quảng Trị	463.442	69.712	91,7%	86,2%	1,4%	53,7%	23,7%
31	TT- Huế	779.911	93.101	99,8%	92,1%	1,2%	100,0%	93,0%
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	100.000	97,0%	91,1%	0,2%	100,5%	98,4%
33	Quảng Nam	1.095.712	127.769	93,8%	88,9%	0,1%	80,0%	0,2%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm liều nhắc lại/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 12-17 tuổi
34	Quảng Ngãi	883.502	134.241	93,2%	83,5%	0,0%	52,8%	0,4%
35	Bình Định	1.110.818	153.866	92,8%	81,8%	0,7%	62,7%	0,0%
36	Phú Yên	616.333	86.632	99,8%	91,2%	0,0%	94,9%	31,5%
37	Khánh Hòa	901.731	113.994	100,0%	100,0%	3,8%	100,3%	95,5%
38	Ninh Thuận	428.346	62.771	99,9%	90,7%	8,1%	93,6%	81,2%
39	Bình Thuận	902.470	135.851	100,0%	87,2%	0,5%	39,4%	25,8%
Cộng miền Trung		8.679.309	1.162.131	96,5%	88,6%	1,2%	75,9%	38,0%
40	Kon Tum	338.741	65.900	94,4%	83,0%	0,0%	75,0%	30,0%
41	Gia Lai	950.154	165.730	100,8%	82,2%	0,1%	91,1%	32,5%
42	Đắk Lắk	1.263.947	198.799	96,9%	84,6%	0,0%	95,3%	1,8%
43	Đắk Nông	404.872	68.900	98,8%	95,7%	0,0%	97,8%	74,7%
Cộng Tây Nguyên		2.957.714	499.329	98,1%	85,2%	0,0%	91,6%	25,8%
44	TP. HCM	7.208.800	742.368	100,0%	90,9%	13,2%	91,0%	83,5%
45	BR-VT	891.244	117.755	100,0%	96,4%	0,0%	92,1%	40,6%
46	Đồng Nai	2.489.971	292.031	100,0%	92,8%	0,7%	60,3%	43,4%
47	Tiền Giang	1.300.609	158.825	100,0%	96,3%	6,2%	100,0%	91,2%
48	Long An	1.361.733	167.662	100,0%	100,0%	0,2%	99,2%	85,1%
49	Lâm Đồng	972.137	131.801	100,0%	100,0%	4,4%	100,5%	79,2%
50	Tây Ninh	977.624	88.220	88,7%	82,7%	10,6%	99,8%	95,6%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm liều nhắc lại/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 12-17 tuổi
51	Cần Thơ	941.769	100.509	97,6%	100,0%	3,9%	100,0%	48,8%
52	Sóc Trăng	861.361	110.630	100,0%	90,0%	0,0%	98,8%	70,9%
53	An Giang	1.371.622	198.826	98,5%	96,8%	3,8%	100,0%	83,9%
54	Bến Tre	980.652	104.446	100,0%	96,8%	10,9%	100,0%	92,7%
55	Trà Vinh	734.794	87.422	100,0%	78,5%	2,7%	97,7%	90,0%
56	Vĩnh Long	769.026	87.313	99,8%	95,9%	7,1%	100,0%	98,8%
57	Đồng Tháp	1.181.264	155.495	100,0%	99,7%	5,1%	91,7%	66,3%
58	Bình Dương	2.381.252	150.950	99,9%	78,9%	1,3%	100,0%	87,4%
59	Bình Phước	758.594	131.058	99,0%	95,2%	0,0%	83,0%	70,7%
60	Kiên Giang	1.248.338	189.132	98,4%	89,1%	0,1%	74,0%	61,0%
61	Cà Mau	857.571	142.451	88,6%	96,5%	0,0%	79,4%	78,4%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	98,6%	95,9%	10,2%	97,0%	92,4%
63	Hậu Giang	536.163	70.423	98,8%	92,5%	0,0%	100,0%	97,5%
Cộng miền Nam		28.397.104	3.318.139	100,0%	92,7%	5,7%	91,6%	76,4%

PHỤ LỤC 4

Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19 của một số Bộ, ngành

I. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 30/12/2021 đến 16h00 ngày 31/12/2021:

- Tổng xuất nhập cảnh: 3.887 lượt người (nhập cảnh: 1.765, xuất cảnh: 2.122).
- + Tuyến VN-TQ: 1.123 lượt người (nhập cảnh: 431, xuất cảnh: 692).
- + Tuyến VN-Lào: 2.464 lượt người (nhập cảnh 1.255, xuất cảnh: 1.209).
- + Tuyến VN-CPC: 300 lượt người (nhập cảnh 79; xuất cảnh: 221).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 309 người trong đó:
- + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 189 người (VN-TQ: 05, VN-Lào: 45, VN-CPC: 139).
- + Số người nhập cảnh trái phép: 91 người (VN-TQ: 16; VN-Lào: 0, VN-CPC: 75).
- + Số người trao trả: 29 người (VN-TQ: 29; VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).

II. Bộ Công an

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 26/12/2021 tới ngày 27/12/2021:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 1.048 lượt người (nhập cảnh: 727 lượt người; xuất cảnh: 321 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 1.796 lượt người (nhập cảnh: 1.055 lượt người; xuất cảnh: 741 lượt người).

III. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 01/01, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 51 tin/bài tiếng Việt; 174 ảnh trong nước và quốc tế; 19 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm Thông tin tư liệu và Đồ họa thực hiện nhiều đồ họa cập nhật diễn biến dịch bệnh COVID-19...

Các đơn vị thông tin và Cơ quan thường trú tại các địa phương của TTXVN cập nhật chỉ đạo của lãnh đạo Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống dịch COVID-19 về công tác phòng, chống dịch; vaccine phòng bệnh cho toàn dân, nhất là trong dịp nghỉ Tết dương lịch 2022; cập nhật thông tin về tình hình dịch bệnh; về các quy định nới lỏng giãn cách, khôi phục kinh tế, nhất là nối lại giao thông liên tỉnh; tiếp tục khuyến cáo người dân không được chủ quan, lơ là trong công tác phòng, chống dịch; cần thực hiện tốt hướng dẫn của ngành Y tế để phòng chống dịch bệnh COVID-19... Về thông tin quốc tế, các Cơ quan thường trú ngoài nước phối hợp với các đơn vị của TTXVN thông tin cập nhật tình hình dịch bệnh COVID-19...

IV. Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại TP. Hồ Chí Minh; Bình Dương và Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Tính đến hết 30/12, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 9.756.000 cuộc gọi (ngày 30/12 đã tiếp nhận và xử lý gần 17 nghìn cuộc gọi).

20/12	21/12	22/12	23/12	24/12	25/12	26/12	27/12	28/12	29/12	30/12
12718	12515	15779	13.999	13231	11819	11729	15339	14768	16219	16861

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5 – 30/12 đã tiếp nhận hơn 308 nghìn cuộc (ngày 30/12 đã tiếp nhận 121 cuộc). Thực hiện cuộc gọi ra: từ 18/5 – 30/12 đã thực hiện hơn 7,43 triệu cuộc gọi ra (từ 02/11- 30/12 không thực hiện gọi ra).

Tiêu chí	21/12	22/12	23/12	24/12	25/12	26/12	27/12	28/12	29/12	30/12
Cuộc gọi đến	164	161	132	154	110	115	107	102	122	121

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC- Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 32.767.124 (+ 94 ngàn so với 30/12, tăng 17.134 ngàn so với 28/4 – bắt đầu đợt dịch thứ 4), chiếm 34,16% dân số, 49,14% số điện thoại thông minh.

2.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.621.093 điểm đăng ký

+ 232.178 điểm ghi nhận hoạt động

2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 150.935.914

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 144.617.266

- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 95,81%

- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 31.348.181

- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

2.4 Triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến

Trung tâm công nghệ phòng chống Covid-19 Quốc gia đã phối hợp cùng triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến tại một số địa phương: Tây Ninh; Bình Dương; Bắc Giang; Đồng Nai; Đồng Tháp; Cần Thơ; Vĩnh Long; Bà Rịa – Vũng Tàu... và 26 địa phương khác cũng đang trong quá trình tập huấn để chuẩn bị triển khai. Một số địa phương triển khai dữ liệu xét nghiệm tốt và có hiệu quả, điển hình là tỉnh Tây Ninh. Trên 90% dữ liệu kết quả xét nghiệm của Tây Ninh được số hoá trên Nền tảng, sẵn sàng chia sẻ và sử dụng.

- Tổng số mẫu nhập vào nền tảng hỗ trợ lấy mẫu là 12.827.329 (tăng 76.953 người)

- Tổng số mẫu các địa phương nhập vào nền tảng cụ thể: 76.953 người

Hà Nội 8.766
 Bắc Giang 38.749
 Đồng Nai 5.699
 Thừa Thiên Huế 9.537
 Quảng Bình 6.232
 Yên Bái 3.340
 Thái Nguyên 745
 Đồng Tháp 646
 An Giang 686
 Bắc Ninh 451
 Bình Dương 826
 Sóc Trăng 437
 Khánh Hòa 128
 Bình Phước 579
 Vĩnh Phúc 102
 Tây Ninh 10
 Bình Định 6
 Lào Cai 5
 Quảng Ninh 5
 Đắk Nông 4

- Tổng số kết quả xét nghiệm trả qua Bluezone/PCCovid của các tỉnh 4.795.038 (tăng 34.894 người)

Quảng Ninh 929
 Hải Dương 362
 Bình Thuận 77
 Bãi Cháy 173
 TPHCM 3.250
 Bệnh viện đa khoa Quảng Ninh 253
 Bình Định 9
 Yên Bái 1.708
 Lào Cai 20
 Thái Nguyên 413
 Bệnh viện 74 Trưng vương 1
 An Giang 370
 Bắc Giang 17.164
 Bắc Ninh 1.389
 Bình Dương 761
 Đồng Nai 1609
 Đồng Tháp 139
 Hà Nội 1.091
 Khánh Hòa 344
 Quảng Bình 538
 Sóc Trăng 191
 Thừa Thiên Huế 927

Tiền Giang 7

Vĩnh Phúc 21

Phòng khám đa khoa An Phúc - Trà Vinh 82

Bệnh viện quốc tế Hoàn Mỹ 19

Bệnh viện sản nhi TWG Long An 98

Phòng khám đa khoa Bắc Hà - Bắc Ninh 25

SOVICO 1.779

Bệnh viện Hồng Ngọc 1.145

3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.

- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...